

Số: 18/TB-HĐTS.CĐCM

Cà Mau, ngày 24 tháng 9 năm 2026

THÔNG BÁO

**Về điều kiện trúng tuyển các ngành giáo dục nghề nghiệp trình độ
trung cấp, trình độ cao đẳng hình thức chính quy và thời gian nhập học**

1. Điều kiện và danh sách trúng tuyển

a. Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh đã đăng ký xét tuyển vào Trường.

- Đối với trình độ cao đẳng: tốt nghiệp trung học phổ thông áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh của Trường.

- Đối với trình độ trung cấp: tốt nghiệp trung học cơ sở áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh của Trường.

b. Danh sách trúng tuyển: công khai trên Trang Thông tin điện tử và các Trang chính thức của Trường Cao đẳng Cà Mau.

2. Thời gian làm thủ tục và hồ sơ nhập học

a. Thời gian làm thủ tục nhập học: Đến hết ngày 28/9/2026.

b. Hồ sơ nhập học gồm:

(1) Phiếu thông tin học sinh, sinh viên (*theo mẫu*);

(2) Học bạ trung học phổ thông cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học cơ sở cho thí sinh đã tốt nghiệp THCS;

(3) Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình giáo dục THCS hoặc Giấy chứng nhận kết quả thi Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, Bằng tốt nghiệp THCS hoặc THPT đối với thí sinh đã tốt nghiệp các năm trước.

(4) Giấy khai sinh hoặc Căn cước công dân;

(5) Các giấy tờ xác nhận hưởng đối tượng ưu tiên (nếu có);

(6) 02 tấm hình 3 x 4 (tính đến ngày nộp hồ sơ không quá 06 tháng; ghi rõ họ, tên; ngày sinh ở mặt sau);

(7) Bản chính Giấy báo nhập học (*do Trường Cao đẳng Cà Mau cấp*).

Lưu ý: Tất cả hồ sơ tại các Mục (2), (3), (4) và (5) chỉ nộp bản photo có chứng thực.

3. Địa điểm nộp hồ sơ, học phí và mức đóng học phí, lệ phí.

3.1. Khu vực Cà Mau (cũ)

a) Trường Cao đẳng Cà Mau. Cơ sở: Số 126, đường 3/2, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.

- Mức tạm thu học phí và các khoản:

+ Học phí:

Đơn vị tính: đồng

Trình độ	Ngành, nghề	Học kỳ I NH 2026-2027 (5 tháng)		
		Mức thu	Giảm 70% học phí	Học phí tạm thu
Cao đẳng, chính quy	Kế toán	2.140.000		2.140.000
	Tiếng Anh			2.140.000
	Quản trị kinh doanh			2.140.000
	Nuôi trồng thủy sản		1.498.000	642.000
	Công nghệ thông tin	2.510.000		2.510.000
Trung cấp, chính quy	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	1.815.000	1.270.500	544.500
	Kế toán doanh nghiệp			1.815.000
	Chăn nuôi - thú y		1.270.500	544.500

+ Đồng phục: Combo (2 áo sơ mi và 01 bộ đồ thể thao) giá 400.000 đồng.

- Địa điểm nộp học phí và lệ phí: tại phòng Tổ Kế toán.

- Địa điểm nộp hồ sơ: tại Phòng Quản lý Đào tạo. Điện thoại: (0290) 3828234 - 3838277.

b) Trường Cao đẳng Cà Mau. Cơ sở: Số 08, Mậu Thân, phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau.

- Mức tạm thu học phí và các khoản:

+ Học phí:

Đơn vị tính: đồng

Trình độ	Ngành, nghề	Học kỳ I NH 2026-2027 (5 tháng)		
		Mức thu	Giảm 70% học phí	Học phí tạm thu
Cao đẳng, chính quy	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2.510.000		2.510.000
	Cơ điện tử	2.510.000		2.510.000
	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	2.510.000		2.510.000
Trung cấp, chính quy	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	2.190.000		2.190.000

+ Các khoản lệ phí

TT	Khoản thu	Mức thu
1.	Bảo hiểm toàn diện	200.000đ/năm/HSSV (thu theo năm học)
2.	Áo đồng phục (Số lượng mua theo nhu cầu của thí sinh)	195.000đ/áo (Nếu mua nhiều hơn 01 áo, thì lấy đơn giá nhân với số lượng cần mua)
3.	Bộ quần áo học GDTC, GDQP (Số lượng mua theo nhu cầu của thí sinh)	120.000đ/bộ (Nếu mua nhiều hơn 01 bộ, thì lấy đơn giá nhân với số lượng cần mua)

TT	Khoản thu	Mức thu
4.	Lệ phí khám sức khỏe nhập học (thực hiện tạm thu)	100.000đ/HSSV (mức tạm thu)
	Tổng số tiền tối thiểu phải đóng	615.000 đồng

- **Địa điểm nộp học phí và các khoản lệ phí:** tại Tổ Kế toán.

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** tại Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Cà Mau. Điện thoại: (0290) 3832835 - 3592101 - 3592102.

3.2. Khu vực Bạc Liêu (cũ)

a) **Trường Cao đẳng Cà Mau. Cơ sở: Số 01, đường Nguyễn Thị Dương, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.**

- Mức tạm thu học phí và các khoản:

+ Học phí:

Đơn vị tính: đồng

Trình độ	Ngành, nghề	Học kỳ I NH 2026-2027 (5 tháng)		
		Mức thu	Giảm 70% học phí	Học phí tạm thu
Cao đẳng, chính quy	Kế toán	6.250.000		6.250.000
	Công nghệ thông tin	6.250.000		6.250.000
	Nuôi trồng thủy sản	6.750.000	4.725.000	2.025.000
	Thú y	6.750.000	4.725.000	2.025.000
Trung cấp, chính quy	Nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ	6.250.000	4.375.000	1.875.000
	Thanh nhạc	6.250.000	4.375.000	1.875.000
	Chăn nuôi - Thú y	6.250.000	4.375.000	1.875.000
	Văn thư hành chính	5.750.000		5.750.000
	Kế toán doanh nghiệp	5.750.000		5.750.000
	Tin học ứng dụng	5.750.000		5.750.000

- **Địa điểm nộp học phí và các khoản lệ phí:** tại phòng Tổ Kế toán

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** tại Phòng Quản lý đào tạo, Trường Cao đẳng Cà Mau. Điện thoại: (0291) 3822589.

b) **Trường Cao đẳng Cà Mau. Cơ sở: Số 68, Tôn Đức Thắng, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau**

- Mức tạm thu học phí và các khoản:

+ Học phí:

Đơn vị tính: đồng

Trình độ	Ngành, nghề	Học kỳ I NH 2026-2027 (5 tháng)		
		Mức thu	Giảm 70% học phí	Học phí tạm thu
Cao đẳng, chính quy	Công nghệ ô tô	5.250.000	3.675.000	1.575.000
	Điện công nghiệp		3.675.000	1.575.000
	Kỹ thuật máy lạnh và		3.675.000	1.575.000

Trình độ	Ngành, nghề	Học kỳ I NH 2026-2027 (5 tháng)		
		Mức thu	Giảm 70% học phí	Học phí tạm thu
	điều hòa không khí			
	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh			5.250.000
	Công nghệ thông tin			5.250.000
Trung cấp, chính quy	Công nghệ thông tin (Ứng dụng phần mềm)	5.250.000		5.250.000
	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh			5.250.000
	Kỹ thuật máy lạnh và ĐHKK		3.675.000	1.575.000
	Điện công nghiệp		3.675.000	1.575.000
	Công nghệ ô tô		3.675.000	1.575.000
	Chế tạo thiết bị cơ khí		3.675.000	1.575.000

+ Bảo hiểm tai nạn: 100.000 đồng/năm;

+ Đồng phục: 120.000 đồng/1 cái áo;

- **Địa điểm nộp học phí và các khoản lệ phí:** tại Tổ Kế toán.

- **Địa điểm nộp hồ sơ:** tại Phòng Quản lý Đào tạo, Trường Cao đẳng Cà Mau. Điện thoại: (0291) 3822358 - 3823212 - 3657657.

4. Thời gian tập trung học sinh, sinh viên

- Khu vực Cà Mau (cũ): Học sinh, sinh viên trúng tuyển hoàn thành hồ sơ nhập học và học Tuần sinh hoạt công dân HSSV bắt đầu từ 7h00', ngày 28/9/2026. Địa điểm: Giảng đường 2, Trường Cao đẳng Cà Mau, số 126, đường 3/2, Phường Tân Thành, Cà Mau.

- Khu vực Bạc Liêu (cũ): Học sinh, sinh viên nhập học và học Tuần sinh hoạt công dân HSSV bắt đầu từ 7h00', ngày 28/9/2026. Địa điểm: Giảng đường, Trường Cao đẳng Cà Mau, cơ sở: Số 68, Tôn Đức Thắng, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Trường Cao đẳng Cà Mau trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận:

- Các thí sinh đã trúng tuyển;
- Ban Giám hiệu, các bộ phận trực thuộc;
- Trang Thông tin điện tử của Trường;
- Lưu: VT, BTK, ĐT.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Đỗ Thị Viễn Hương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dán ảnh

3 x 4 cm

PHIẾU THÔNG TIN HỌC SINH, SINH VIÊN

Ngành:.....

Trình độ đào tạo:.....

1. Họ và tên (ghi in hoa):Ngày sinh: .../.../.....

2. Nơi sinh:3. Dân tộc:.....4. Tôn giáo:.....

5. Số CCCD:....., nơi cấp:....., ngày cấp:.....

6. Ngày vào Đoàn TNCSHCM:.....Nơi vào đoàn:.....

7. Khi cần thiết, nhà trường sẽ liên hệ qua địa chỉ:.....

.....

Điện thoại cá nhân:.....,

8. Họ tên Mẹ:.....Năm sinh: .../.../.....

Nghề nghiệp:..... Nơi ở hiện nay:.....

.....

Số điện thoại:.....

9. Họ tên Cha:.....Năm sinh: .../.../.....

Nghề nghiệp:..... Nơi ở hiện nay:.....

.....

Số điện thoại:.....

10. Sinh viên thuộc các diện chính sách xã hội nếu có

☐ Người dân tộc; ☐ Hộ nghèo; ☐ Con mồ côi cha mẹ;

Trường hợp khác (ghi rõ).....

Cà Mau, ngày tháng năm 2026
Học sinh, Sinh viên

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN - MÃ NGÀNH: 6340301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C136	Trần Thị Mỹ Như	07/12/2007	Nữ	Kinh	KV2	Không	7,80	8,00	8,30	0,25	24,30	

Tổng: 01 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - MÃ NGÀNH: 6340404
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C111	Lê Quang Vinh	17/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,90	8,40	8,00	0,75	24,87	
2	K26D4C108	Nguyễn Hoàng Đạt	01/10/2006	Nam	Kinh	KV1		6,50	6,40	6,10	0,75	19,75	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MÃ NGÀNH: 6480201
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C152	Hồ Quốc Hùng	13/10/2007	Nam	Kinh	KV2		6,50	7,00	6,10	0,25	19,85	
2	K26D4C063	Nguyễn Văn Quý	27/12/2002	Nam	Kinh	KV1		8,20	5,50	5,20	0,75	19,65	
3	K26D4C095	Phan Thanh Trúc	08/11/2006	Nữ	Kinh	KV2NT		7,00	6,10	5,30	0,50	18,90	
4	K26D4C083	Quảng Nhựt Duy	02/04/2008	Nam	Kinh	KV2		5,60	6,40	6,10	0,25	18,35	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 6620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C099	Nguyễn Chí Tường	25/03/2006	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,60	5,10	0,75	16,45	
2	K26D4C115	Lê Anh Tài	22/01/2007	Nam	Kinh	KV1		6,30	6,30	4,80	0,75	18,15	
3	K26D4C145	Đặng Trường Giang	13/12/2008	Nam	Kinh	KV2NT		5,60	5,70	6,20	0,50	18,00	
4	K26D4C156	Huỳnh Trung Ái	09/06/2003	Nam	Kinh	KV1		8,40	7,00	7,10	0,75	23,25	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƯỚC MẶN, LỢ - MÃ NGÀNH: 5620305
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C079	Võ Bảo Khang	12/11/2010	Nam	Kinh	KV1		5,80	5,70	6,10	0,75	18,35	
2	K26D4C103	Võ Phương Nam	09/10/1997	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,00	5,00	0,75	15,75	
3	K26D4C102	Nguyễn Thanh Miên	01/01/1981	Nam	Kinh	KV1		3,30	4,60	4,00	0,75	12,65	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5340302
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C061	Phan Nguyên Khôi	16/02/2007	Nam	Kinh	KV2NT		5,80	7,40	6,70	0,50	20,40	
2	K26D4C151	Lê Thị Diễm Lài	03/12/1991	Nam	Kinh	KV1		6,60	7,40	5,00	0,75	19,75	
3	K26D4C080	Bùi Nhật Tiến	25/02/2004	Nam	Kinh	KV1		5,40	5,50	6,80	0,75	18,45	
4	K26D4C150	Nguyễn Xuân Lam	23/03/1989	Nam	Kinh	KV3		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương



DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN - MÃ NGÀNH: 6340301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C136	Trần Thị Mỹ Như	07/12/2007	Nữ	Kinh	KV2	Không	7,80	8,00	8,30	0,25	24,30	

Tổng: 01 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - MÃ NGÀNH: 6340404
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C111	Lê Quang Vinh	17/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,90	8,40	8,00	0,75	24,87	
2	K26D4C108	Nguyễn Hoàng Đạt	01/10/2006	Nam	Kinh	KV1		6,50	6,40	6,10	0,75	19,75	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MÃ NGÀNH: 6480201
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C152	Hồ Quốc Hùng	13/10/2007	Nam	Kinh	KV2		6,50	7,00	6,10	0,25	19,85	
2	K26D4C063	Nguyễn Văn Quý	27/12/2002	Nam	Kinh	KV1		8,20	5,50	5,20	0,75	19,65	
3	K26D4C095	Phan Thanh Trúc	08/11/2006	Nữ	Kinh	KV2NT		7,00	6,10	5,30	0,50	18,90	
4	K26D4C083	Quảng Nhựt Duy	02/04/2008	Nam	Kinh	KV2		5,60	6,40	6,10	0,25	18,35	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 6620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C099	Nguyễn Chí Tường	25/03/2006	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,60	5,10	0,75	16,45	
2	K26D4C115	Lê Anh Tài	22/01/2007	Nam	Kinh	KV1		6,30	6,30	4,80	0,75	18,15	
3	K26D4C145	Đặng Trường Giang	13/12/2008	Nam	Kinh	KV2NT		5,60	5,70	6,20	0,50	18,00	
4	K26D4C156	Huỳnh Trung Ái	09/06/2003	Nam	Kinh	KV1		8,40	7,00	7,10	0,75	23,25	

Tổng: 04 thí sinh
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƯỚC MẶN, LỢ - MÃ NGÀNH: 5620305
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C079	Võ Bảo Khang	12/11/2010	Nam	Kinh	KV1		5,80	5,70	6,10	0,75	18,35	
2	K26D4C103	Võ Phương Nam	09/10/1997	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,00	5,00	0,75	15,75	
3	K26D4C102	Nguyễn Thanh Miên	01/01/1981	Nam	Kinh	KV1		3,30	4,60	4,00	0,75	12,65	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5340302
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C061	Phan Nguyên Khôi	16/02/2007	Nam	Kinh	KV2NT		5,80	7,40	6,70	0,50	20,40	
2	K26D4C151	Lê Thị Diễm Lài	03/12/1991	Nam	Kinh	KV1		6,60	7,40	5,00	0,75	19,75	
3	K26D4C080	Bùi Nhật Tiến	25/02/2004	Nam	Kinh	KV1		5,40	5,50	6,80	0,75	18,45	
4	K26D4C150	Nguyễn Xuân Lam	23/03/1989	Nam	Kinh	KV3		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ - MÃ NGÀNH: 6520263
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Lớp 2					
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C001	Đỗ Trọng Nguyên	16/04/2004	Nam	Kinh	KV1		7,80	6,60	7,80	0,75	22,95	
2	K26D4C015	Nguyễn Hoàng Thái	10/03/2007	Nam	Kinh	KV1		7,80	5,70	8,10	0,75	22,35	
3	K26D4C114	Huỳnh Thế Hiên	26/10/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,70	7,20	7,10	0,50	21,50	
4	K26D4C016	Lê Chí Nhân	05/11/2008	Nam	Kinh	KV2		6,50	7,70	6,70	0,25	21,15	
5	K26D4C013	Nguyễn Thái Khang	25/08/2008	Nam	Kinh	KV2		6,20	6,90	7,30	0,25	20,65	
6	K26D4C002	Nguyễn Văn Tài	01/10/2004	Nam	Kinh	KV1		6,70	6,80	6,30	0,75	20,55	
7	K26D4C094	Nguyễn Quang Vinh	20/04/2007	Nam	Kinh	KV1		7,40	6,60	5,60	0,75	20,35	
8	K26D4C057	Nguyễn Trọng Nguyễn	15/03/2003	Nam	Kinh	KV2		6,80	6,00	7,00	0,25	20,05	
9	K26D4C096	Hồng Chí Hải	17/05/2006	Nam	Kinh	KV2		5,20	8,00	6,40	0,25	19,85	
10	K26D4C010	Nguyễn Hưng Phát	14/06/2007	Nam	Kinh	KV2		7,10	5,50	6,50	0,25	19,35	
11	K26D4C105	Trần Vũ Nghĩa	04/01/2004	Nam	Kinh	KV1		6,10	6,30	6,10	0,75	19,25	
12	K26D4C048	Huỳnh Văn Hạo	28/10/2005	Nam	Kinh	KV1		6,60	5,40	6,00	0,75	18,75	
13	K26D4C097	Ngô Gia Thoại	12/03/2008	Nam	Kinh	KV1		6,70	6,20	5,00	0,75	18,65	
14	K26D4C020	Hồ Minh Thái	05/09/2001	Nam	Kinh	KV2		6,00	6,00	5,60	0,25	17,85	

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 2			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
15	K26D4C109	Lê Quang Minh	23/03/2007	Nam	Kinh	KV1		4,70	5,90	5,00	0,75	16,35	
16	K26D4C154	Trần Văn Toán	18/06/2008	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,00	5,20	0,75	15,95	
17	K26D4C023	Nguyễn Trường Phát	09/02/2008	Nam	Kinh	KV2NT		3,70	5,40	6,10	0,50	15,70	
18	K26D4C149	Trương Quang Vinh	15/03/2008	Nam	Kinh	KV1		4,8	3,7	5,6	0,75	14,85	
19	K26D4C148	Huỳnh Dương Nhân Hậu	23/05/2008	Nam	Kinh	KV2		Hồ sơ không hợp lệ					

Tổng: 19 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN(ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) - MÃ NGÀNH: 6480202
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C153	Lý Thái Đan	16/03/2007	Nam	Kinh	KV1		8,30	7,80	8,30	0,75	25,15	
2	K26D4C007	Đỗ Chí Nguyễn	12/09/2008	Nam	Kinh	KV1		8,40	8,80	6,90	0,75	24,85	
3	K26D4C066	Trần Lê Trọng Nhật	12/02/2008	Nam	Kinh	KV1		7,40	7,20	8,70	0,75	24,05	
4	K26D4C106	Trang Mỹ Huyền	22/11/2006	Nam	Kinh	KV2		6,90	7,60	8,30	0,25	23,05	
5	K26D4C143	Phan Diễm My	04/04/2007	Nữ	Kinh	KV2		7,00	6,60	8,10	0,25	21,95	
6	K26D4C065	Võ Tuấn Kiệt	20/08/2008	Nam	Kinh	KV2		5,90	7,40	7,70	0,25	21,25	
7	K26D4C053	Quách Trinh Tường	21/04/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,20	7,20	6,00	0,50	19,90	
8	K26D4C070	Nguyễn Minh Khôi	06/08/2005	Nam	Kinh	KV1		6,60	6,40	5,50	0,75	19,25	
9	K26D4C011	Lê Minh Khải	29/11/2008	Nam	Kinh	KV1		Hồ sơ không hợp lệ					

Tổng: 09 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH - MÃ NGÀNH: 6520255
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C098	Lê Trung Nguyên	11/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,60	9,00	7,70	0,75	25,05	
2	K26D4C110	Nguyễn Thái Anh	01/02/2008	Nam	Kinh	KV1		7,80	6,50	7,70	0,75	22,75	
3	K26D4C022	Trương Bình An	20/10/2008	Nam	Kinh	KV1		8,00	6,90	7,10	0,75	22,75	
4	K26D4C024	Nguyễn Minh Khôi	18/09/2008	Nam	Kinh	KV2		7,70	7,40	7,30	0,25	22,65	
5	K26D4C137	Lê Thanh Trí	06/12/2008	Nam	Kinh	KV2		7,20	7,10	8,00	0,25	22,55	
6	K26D4C107	Mai Nhật Anh	07/02/2003	Nam	Kinh	KV1		7,20	7,50	6,60	0,75	22,05	
7	K26D4C018	Đỗ Đức Minh	30/06/2006	Nam	Kinh	KV2NT		6,90	7,00	7,60	0,50	22,00	
8	K26D4C113	Nguyễn Thanh Liền	11/05/2007	Nam	Kinh	KV1		6,50	7,80	6,90	0,75	21,95	
9	K26D4C019	Nguyễn Hồng Tín	07/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,20	5,80	6,60	0,75	20,35	
10	K26D4C014	Lê Duy Phương	26/07/2008	Nam	Kinh	KV1		6,60	6,30	6,50	0,75	20,15	
11	K26D4C050	Hồ Thanh Khoa	23/11/2008	Nam	Kinh	KV2		5,60	6,30	7,80	0,25	19,95	
12	K26D4C009	Nguyễn Quang Bình	04/12/2007	Nam	Kinh	KV2		6,50	6,30	6,90	0,25	19,95	
13	K26D4C104	Nguyễn Huy Đạt	10/08/2005	Nam	Kinh	KV1		5,00	6,20	5,90	2,75	19,85	
14	K26D4C003	Nguyễn Chí Thật	31/10/2008	Nam	Kinh	KV1		7,00	6,90	5,10	0,75	19,75	
15	K26D4C006	Nguyễn Nhật Thiên	16/01/2008	Nam	Kinh	KV2		7,20	6,30	6,00	0,25	19,75	
16	K26D4C155	Lữ Chí Tài	02/10/2008	Nam	Kinh	KV2		6,80	6,00	6,30	0,25	19,35	

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
17	K26D4C068	Trần Tuấn Vinh	19/08/2004	Nam	Kinh	KV2		6,00	6,20	6,90	0,25	19,35	
18	K26D4C135	Nguyễn Phú Sỹ	17/03/2008	Nam	Kinh	KV2		6,90	5,20	6,40	0,25	18,75	
19	K26D4C116	Bùi Tấn Lộc	16/11/2008	Nam	Kinh	KV2NT		5,50	5,90	6,20	0,50	18,10	
20	K26D4C031	Lê Minh	22/02/2004	Nam	Kinh	KV1		6,00	5,60	5,20	0,75	17,55	
21	K26D4C012	Phạm Huy Khánh	02/11/2008	Nam	Kinh	KV1		4,20	5,50	5,90	0,75	16,35	
22	K26D4C067	Bùi Trọng Phúc	16/06/2008	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,10	4,70	0,75	15,55	
23	K26D4C147	Nguyễn Việt Hưng	27/09/2005	Nam	Kinh	KV1		3,30	5,50	4,20	0,75	13,75	
24	K26D4C025	Cao Minh Kha	11/10/2009	Nam	Kinh	KV1		Hồ sơ không hợp lệ					
25	K26D4C085	Võ Quốc Khải	19/10/2008	Nam	Kinh	KV1		Hồ sơ không hợp lệ					

Tổng: 25 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN(ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) - MÃ NGÀNH: 5480202
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C146	Nguyễn Duy Khánh	14/06/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,90	7,20	6,80	0,50	21,40	
2	K26D4C142	Ngô Chí Nguyễn	20/08/2007	Nam	Kinh	KV1		6,30	6,60	5,80	0,75	19,45	
3	K26D4C005	Lê Mỹ Ngọc	24/02/2007	Nữ	Kinh	KV2NT		4,50	6,00	5,20	0,50	16,20	
4	K26D4C004	Tiêu Trần Ngọc Huỳnh	26/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		4,80	5,50	5,00	0,75	16,05	
5	K26D4C017	Bùi Hữu Lễ	07/03/2008	Nam	Kinh	KV1		4,10	4,60	4,40	0,75	13,85	
6	K26D4C056	Ngô Minh Thông	26/11/1991	Nam	Kinh	KV1		Hồ sơ không hợp lệ					
7	K26D4C008	Trương Thanh Tân	15/05/2010	Nam	Kinh	KV1		Hồ sơ không hợp lệ					

Tổng: 7 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
KHÓ CHỦ TỊCH



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH VĂN THƯ HÀNH CHÍNH - MÃ NGÀNH: 5320301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B065	Võ Minh Trí	26/11/1989	Nam	Kinh	KV1		5,00	4,60	5,10	0,75	15,45	

Tổng: 01 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH THANH NHẠC - MÃ NGÀNH: 5210225
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV ƯT	ĐT ƯT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B069	Lê Thị Hồng Gấm	21/05/2006	Nữ	Kinh	KV3		7,20	7,40	5,80	0,00	20,40	
2	K26D4B121	Lâm Hữu Tặng	17/04/1988	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 5620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV ƯT	ĐT ƯT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B063	Ngô Phương Tường	11/09/2008	Nữ	Kinh	KV1		6,10	6,30	5,60	0,75	18,75	
2	K26D4B064	Trần Quốc Thịnh	29/11/2010	Nam	Kinh	KV1		5,00	6,30	4,20	0,75	16,25	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5340302
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B068	Trương Yến Thanh	03/06/2005	Nữ	Hoa	KV1		8,30	7,60	6,50	0,75	23,15	
2	K26D4B061	Đông Kim Yến	11/01/2008	Nữ	Kinh	KV2		7,60	8,00	6,90	0,25	22,75	
3	K26D4B067	Quảng Trọng Tỷ	17/07/2004	Nam	Kinh	KV1		6,20	5,50	6,00	0,75	18,45	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y - MÃ NGÀNH: 5620120

(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV ƯT	ĐT ƯT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B070	Lê Huỳnh Thị Diễm My	01/05/2011	Nữ	Kinh	KV1		7,80	6,50	6,70	0,75	21,75	
2	K26D4B062	Mai Thanh Phúc	08/05/2011	Nam	Kinh	KV1		6,50	5,80	6,10	0,75	19,15	
3	K26D4B066	Nguyễn Thị Nhã Kỳ	07/11/2011	Nữ	Kinh	KV1		5,10	5,90	5,70	0,75	17,45	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH TIN HỌC ỨNG DỤNG - MÃ NGÀNH: 5480205
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B076	Huỳnh Hải Nguyên	16/08/2011	Nam	Kinh	KV1		9,60	9,80	9,70	0,75	29,19	
2	K26D4B071	Tô Huỳnh Kim Anh	06/11/2009	Nữ	Khmer	KV1		8,80	7,60	8,40	0,75	25,32	
3	K26D4B077	Trần Hồng Phượng	13/12/2011	Nữ	Kinh	KV1		6,90	6,90	6,70	0,75	21,25	
4	K26D4B075	Lâm Dương Kiều	04/01/2011	Nữ	Khmer	KV1		5,10	7,50	6,90	0,75	20,25	
5	K26D4B073	Mai Tiến Hưng	31/07/2011	Nam	Kinh	KV2		6,20	5,80	5,80	0,25	18,05	
6	K26D4B074	Chiêm Quách Khang	15/06/2010	Nam	Khmer	KV1		7,10	5,50	4,50	0,75	17,85	
7	K26D4B072	Lâm Thái Bình	11/06/2011	Nam	Kinh	KV1		5,20	5,30	5,00	0,75	16,25	
8	K26D4B004	Nguyễn Phạm Thế Hiển	01/06/2010	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THCS					

Tổng: 08 thí sinh

TRƯỞNG BAN THU KÝ

Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH THÚ Y - MÃ NGÀNH: 6640101
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B035	Hoàng Đại Phát	13/09/2008	Nam	Kinh	KV3		6,20	7,90	7,20	0,00	21,30	
2	K26D4B032	Đào Hoàng Thái	07/07/2007	Nam	Kinh	KV2NT		6,10	6,90	5,80	0,50	19,30	
3	K26D4B014	Danh Hoài Phong	07/03/2007	Nam	Khmer	KV1		6,00	7,00	5,30	0,75	19,05	
4	K26D4B034	Hồ Ngọc Võ	14/05/1990	Nam	Kinh	KV2		4,30	4,90	4,50	0,25	13,95	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phó Chủ tịch

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN - MÃ NGÀNH: 6340301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B037	Dương Chí Bảo	28/05/2000	Nam	Hoa	KV3		8,60	7,00	7,40	0,00	23,00	
2	K26D4B016	Lâm Thị Hằng	17/11/2007	Nữ	Khmer	KV2		7,00	6,40	6,00	0,25	19,65	
3	K26D4B002	La Thanh Hòa	20/03/2004	Nam	Kinh	KV2NT		Tốt nghiệp THPT					
4	K26D4B133	Lộ Yên Vy	05/03/2008	Nữ	Kinh	KV2NT		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THU KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 6620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B140	Đào Nhật Huy	26/12/2003	Nam	Kinh	KV2NT		8,00	7,80	6,50	0,50	22,80	
2	K26D4B134	Vũ Thị Hồng Nhung	10/01/1988	Nữ	Kinh	KV3		5,00	5,10	4,60	0,00	14,70	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH - MÃ NGÀNH: 5520255
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV U.T	ĐT U.T	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B130	Lý Thanh Phong	21/10/2007	Nam	Hoa	KV1	Không	5,50	4,90	6,50	0,75	17,65	
2	K26D4B135	Võ Văn Nghĩa	25/06/2010	Nam	Kinh	KV1	Không	5,20	6,10	5,30	0,75	17,35	
3	K26D4B136	Đặng Ngọc Thuần	04/08/2010	Nam	Kinh	KV1	Không	5,80	6,40	6,00	0,75	18,95	
4	K26D4B137	Lư Văn Tình	14/12/2009	Nam	Kinh	KV1	Không	4,10	4,30	5,00	0,75	14,15	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5520227
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B138	Lê Tuấn Khanh	28/02/2003	Nam	Kinh	KV1		5,50	6,00	5,10	0,75	17,35	

Tổng: 1 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ - MÃ NGÀNH: 5520104
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B131	Lương Hoàng Phát	12/12/2008	Nam	Kinh	KV2		7,00	5,60	5,80	0,25	18,65	
2	K26D4B047	Dương Văn Thêm	23/03/05	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THCS					

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ - MÃ NGÀNH: 6510216
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B122	Nguyễn Võ Hải Đăng	11/09/2003	Nam	Kinh	KV1		6,00	6,80	5,20	0,75	18,75	
2	K26D4B144	Lê Minh Sử	21/10/2005	Nam	Kinh	KV1		5,20	7,20	4,50	0,75	17,65	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 6520227
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B142	Trần Gia Nguyễn	12/01/2008	Nam	Kinh	KV2		5,90	8,10	6,00	0,25	20,25	
2	K26D4B033	Trần Quốc Vinh	10/08/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,60	7,50	6,00	0,50	20,60	
3	K26D4B005	Võ Bình Quý	16/01/06	Nam	Kinh	KV1		5,20	6,60	5,50	0,75	18,05	
4	K26D4B019	Ngô Tâm Linh	30/12/08	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH XÉT TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ - MÃ NGÀNH: 6520205
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B139	Phan Nguyễn Hạo	26/02/2007	Nam	Kinh	KV1		5,60	6,40	4,90	0,75	17,65	
2	K26D4B141	Trần Trân	20/04/2007	Nam	Khmer	KV1		5,50	8,00	6,40	0,75	20,65	
3	K26D4B143	Sơn Đình Trí	02/12/2005	Nam	Khmer	KV1		6,20	7,20	6,10	0,75	20,25	
4	K26D4B132	Đỗ Thanh Triều	16/01/08	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN - MÃ NGÀNH: 6340301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C136	Trần Thị Mỹ Như	07/12/2007	Nữ	Kinh	KV2	Không	7,80	8,00	8,30	0,25	24,30	

Tổng: 01 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH - MÃ NGÀNH: 6340404
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C111	Lê Quang Vinh	17/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,90	8,40	8,00	0,75	24,87	
2	K26D4C108	Nguyễn Hoàng Đạt	01/10/2006	Nam	Kinh	KV1		6,50	6,40	6,10	0,75	19,75	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN - MÃ NGÀNH: 6480201
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C152	Hồ Quốc Hùng	13/10/2007	Nam	Kinh	KV2		6,50	7,00	6,10	0,25	19,85	
2	K26D4C063	Nguyễn Văn Quý	27/12/2002	Nam	Kinh	KV1		8,20	5,50	5,20	0,75	19,65	
3	K26D4C095	Phan Thanh Trúc	08/11/2006	Nữ	Kinh	KV2NT		7,00	6,10	5,30	0,50	18,90	
4	K26D4C083	Quảng Nhựt Duy	02/04/2008	Nam	Kinh	KV2		5,60	6,40	6,10	0,25	18,35	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 6620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C099	Nguyễn Chí Tường	25/03/2006	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,60	5,10	0,75	16,45	
2	K26D4C115	Lê Anh Tài	22/01/2007	Nam	Kinh	KV1		6,30	6,30	4,80	0,75	18,15	
3	K26D4C145	Đặng Trường Giang	13/12/2008	Nam	Kinh	KV2NT		5,60	5,70	6,20	0,50	18,00	
4	K26D4C156	Huỳnh Trung Ái	09/06/2003	Nam	Kinh	KV1		8,40	7,00	7,10	0,75	23,25	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN NƯỚC MẶN, LỢ - MÃ NGÀNH: 5620305
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C079	Võ Bảo Khang	12/11/2010	Nam	Kinh	KV1		5,80	5,70	6,10	0,75	18,35	
2	K26D4C103	Võ Phương Nam	09/10/1997	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,00	5,00	0,75	15,75	
3	K26D4C102	Nguyễn Thanh Miên	01/01/1981	Nam	Kinh	KV1		3,30	4,60	4,00	0,75	12,65	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
ĐẠI CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5340302
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C061	Phan Nguyên Khôi	16/02/2007	Nam	Kinh	KV2NT		5,80	7,40	6,70	0,50	20,40	
2	K26D4C151	Lê Thị Diễm Lài	03/12/1991	Nam	Kinh	KV1		6,60	7,40	5,00	0,75	19,75	
3	K26D4C080	Bùi Nhật Tiến	25/02/2004	Nam	Kinh	KV1		5,40	5,50	6,80	0,75	18,45	
4	K26D4C150	Nguyễn Xuân Lam	23/03/1989	Nam	Kinh	KV3		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THU KÝ

Dương Thùy Dương



TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CƠ ĐIỆN TỬ - MÃ NGÀNH: 6520263
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C001	Đỗ Trọng Nguyên	16/04/2004	Nam	Kinh	KV1		7,80	6,60	7,80	0,75	22,95	
2	K26D4C015	Nguyễn Hoàng Thái	10/03/2007	Nam	Kinh	KV1		7,80	5,70	8,10	0,75	22,35	
3	K26D4C114	Huỳnh Thế Hiên	26/10/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,70	7,20	7,10	0,50	21,50	
4	K26D4C016	Lê Chí Nhân	05/11/2008	Nam	Kinh	KV2		6,50	7,70	6,70	0,25	21,15	
5	K26D4C013	Nguyễn Thái Khang	25/08/2008	Nam	Kinh	KV2		6,20	6,90	7,30	0,25	20,65	
6	K26D4C002	Nguyễn Văn Tài	01/10/2004	Nam	Kinh	KV1		6,70	6,80	6,30	0,75	20,55	
7	K26D4C094	Nguyễn Quang Vinh	20/04/2007	Nam	Kinh	KV1		7,40	6,60	5,60	0,75	20,35	
8	K26D4C057	Nguyễn Trọng Nguyễn	15/03/2003	Nam	Kinh	KV2		6,80	6,00	7,00	0,25	20,05	
9	K26D4C096	Hồng Chí Hải	17/05/2006	Nam	Kinh	KV2		5,20	8,00	6,40	0,25	19,85	
10	K26D4C010	Nguyễn Hưng Phát	14/06/2007	Nam	Kinh	KV2		7,10	5,50	6,50	0,25	19,35	
11	K26D4C105	Trần Vũ Nghĩa	04/01/2004	Nam	Kinh	KV1		6,10	6,30	6,10	0,75	19,25	
12	K26D4C048	Huỳnh Văn Hạo	28/10/2005	Nam	Kinh	KV1		6,60	5,40	6,00	0,75	18,75	
13	K26D4C097	Ngô Gia Thoại	12/03/2008	Nam	Kinh	KV1		6,70	6,20	5,00	0,75	18,65	

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
14	K26D4C020	Hồ Minh Thái	05/09/2001	Nam	Kinh	KV2		6,00	6,00	5,60	0,25	17,85	
15	K26D4C109	Lê Quang Minh	23/03/2007	Nam	Kinh	KV1		4,70	5,90	5,00	0,75	16,35	
16	K26D4C154	Trần Văn Toán	18/06/2008	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,00	5,20	0,75	15,95	
17	K26D4C023	Nguyễn Trường Phát	09/02/2008	Nam	Kinh	KV2NT		3,70	5,40	6,10	0,50	15,70	
18	K26D4C149	Trương Quang Vinh	15/03/2008	Nam	Kinh	KV1		4,8	3,7	5,6	0,75	14,85	

Tổng: 18 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) - MÃ NGÀNH: 6480202
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C153	Lý Thái Đan	16/03/2007	Nam	Kinh	KV1		8,30	7,80	8,30	0,75	25,15	
2	K26D4C007	Đỗ Chí Nguyễn	12/09/2008	Nam	Kinh	KV1		8,40	8,80	6,90	0,75	24,85	
3	K26D4C066	Trần Lê Trọng Nhật	12/02/2008	Nam	Kinh	KV1		7,40	7,20	8,70	0,75	24,05	
4	K26D4C106	Trang Mỹ Huyền	22/11/2006	Nam	Kinh	KV2		6,90	7,60	8,30	0,25	23,05	
5	K26D4C143	Phan Diễm My	04/04/2007	Nữ	Kinh	KV2		7,00	6,60	8,10	0,25	21,95	
6	K26D4C065	Võ Tuấn Kiệt	20/08/2008	Nam	Kinh	KV2		5,90	7,40	7,70	0,25	21,25	
7	K26D4C053	Quách Trinh Tường	21/04/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,20	7,20	6,00	0,50	19,90	
8	K26D4C070	Nguyễn Minh Khôi	06/08/2005	Nam	Kinh	KV1		6,60	6,40	5,50	0,75	19,25	

Tổng: 08 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH - MÃ NGÀNH: 6520255
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C098	Lê Trung Nguyên	11/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,60	9,00	7,70	0,75	25,05	
2	K26D4C110	Nguyễn Thái Anh	01/02/2008	Nam	Kinh	KV1		7,80	6,50	7,70	0,75	22,75	
3	K26D4C022	Trương Bình An	20/10/2008	Nam	Kinh	KV1		8,00	6,90	7,10	0,75	22,75	
4	K26D4C024	Nguyễn Minh Khôi	18/09/2008	Nam	Kinh	KV2		7,70	7,40	7,30	0,25	22,65	
5	K26D4C137	Lê Thanh Trí	06/12/2008	Nam	Kinh	KV2		7,20	7,10	8,00	0,25	22,55	
6	K26D4C107	Mai Nhật Anh	07/02/2003	Nam	Kinh	KV1		7,20	7,50	6,60	0,75	22,05	
7	K26D4C018	Đỗ Đức Minh	30/06/2006	Nam	Kinh	KV2NT		6,90	7,00	7,60	0,50	22,00	
8	K26D4C113	Nguyễn Thanh Liên	11/05/2007	Nam	Kinh	KV1		6,50	7,80	6,90	0,75	21,95	
9	K26D4C019	Nguyễn Hồng Tín	07/04/2008	Nam	Kinh	KV1		7,20	5,80	6,60	0,75	20,35	
10	K26D4C014	Lê Duy Phương	26/07/2008	Nam	Kinh	KV1		6,60	6,30	6,50	0,75	20,15	
11	K26D4C050	Hồ Thanh Khoa	23/11/2008	Nam	Kinh	KV2		5,60	6,30	7,80	0,25	19,95	
12	K26D4C009	Nguyễn Quang Bình	04/12/2007	Nam	Kinh	KV2		6,50	6,30	6,90	0,25	19,95	
13	K26D4C104	Nguyễn Huy Đạt	10/08/2005	Nam	Kinh	KV1	0,3	5,00	6,20	5,90	2,75	19,85	
14	K26D4C003	Nguyễn Chí Thật	31/10/2008	Nam	Kinh	KV1		7,00	6,90	5,10	0,75	19,75	
15	K26D4C006	Nguyễn Nhật Thiên	16/01/2008	Nam	Kinh	KV2		7,20	6,30	6,00	0,25	19,75	
16	K26D4C155	Lữ Chí Tài	02/10/2008	Nam	Kinh	KV2		6,80	6,00	6,30	0,25	19,35	

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
17	K26D4C068	Trần Tuấn Vinh	19/08/2004	Nam	Kinh	KV2		6,00	6,20	6,90	0,25	19,35	
18	K26D4C135	Nguyễn Phú Sỹ	17/03/2008	Nam	Kinh	KV2		6,90	5,20	6,40	0,25	18,75	
19	K26D4C116	Bùi Tấn Lộc	16/11/2008	Nam	Kinh	KV2NT		5,50	5,90	6,20	0,50	18,10	
20	K26D4C031	Lê Minh	22/02/2004	Nam	Kinh	KV1		6,00	5,60	5,20	0,75	17,55	
21	K26D4C012	Phạm Huy Khánh	02/11/2008	Nam	Kinh	KV1		4,20	5,50	5,90	0,75	16,35	
22	K26D4C067	Bùi Trọng Phúc	16/06/2008	Nam	Kinh	KV1		5,00	5,10	4,70	0,75	15,55	

Tổng: 22 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC CÀ MAU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN(ỨNG DỤNG PHẦN MỀM) - MÃ NGÀNH: 5480202
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4C146	Nguyễn Duy Khánh	14/06/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,90	7,20	6,80	0,50	21,40	
2	K26D4C142	Ngô Chí Nguyễn	20/08/2007	Nam	Kinh	KV1		6,30	6,60	5,80	0,75	19,45	
3	K26D4C005	Lê Mỹ Ngọc	24/02/2007	Nữ	Kinh	KV2NT		4,50	6,00	5,20	0,50	16,20	
4	K26D4C004	Tiêu Trần Ngọc Huỳnh	26/10/2007	Nữ	Kinh	KV1		4,80	5,50	5,00	0,75	16,05	
5	K26D4C017	Bùi Hữu Lễ	07/03/2008	Nam	Kinh	KV1		4,10	4,60	4,40	0,75	13,85	

Tổng: 05 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH VĂN THƯ HÀNH CHÍNH - MÃ NGÀNH: 5320301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B065	Võ Minh Trí	26/11/1989	Nam	Kinh	KV1		5,00	4,60	5,10	0,75	15,45	

Tổng: 01 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH THANH NHẠC - MÃ NGÀNH: 5210225
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV U.T	ĐT U.T	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B069	Lê Thị Hồng Gấm	21/05/2006	Nữ	Kinh	KV3		7,20	7,40	5,80	0,00	20,40	
2	K26D4B121	Lâm Hữu Tặng	17/04/1988	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 5620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV ƯT	ĐT ƯT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B063	Ngô Phương Tường	11/09/2008	Nữ	Kinh	KV1		6,10	6,30	5,60	0,75	18,75	
2	K26D4B064	Trần Quốc Thịnh	29/11/2010	Nam	Kinh	KV1		5,00	6,30	4,20	0,75	16,25	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5340302
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B068	Trương Yến Thanh	03/06/2005	Nữ	Hoa	KV1		8,30	7,60	6,50	0,75	23,15	
2	K26D4B061	Đông Kim Yến	11/01/2008	Nữ	Kinh	KV2		7,60	8,00	6,90	0,25	22,75	
3	K26D4B067	Quảng Trọng Tỷ	17/07/2004	Nam	Kinh	KV1		6,20	5,50	6,00	0,75	18,45	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TH. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CHĂN NUÔI THÚ Y - MÃ NGÀNH: 5620120

(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV ƯT	ĐT ƯT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B070	Lê Huỳnh Thị Diễm My	01/05/2011	Nữ	Kinh	KV1		7,80	6,50	6,70	0,75	21,75	
2	K26D4B062	Mai Thanh Phúc	08/05/2011	Nam	Kinh	KV1		6,50	5,80	6,10	0,75	19,15	
3	K26D4B066	Nguyễn Thị Nhã Kỳ	07/11/2011	Nữ	Kinh	KV1		5,10	5,90	5,70	0,75	17,45	

Tổng: 03 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đo Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH TIN HỌC ỨNG DỤNG - MÃ NGÀNH: 5480205
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B076	Huỳnh Hải Nguyên	16/08/2011	Nam	Kinh	KV1		9,60	9,80	9,70	0,75	29,19	
2	K26D4B071	Tô Huỳnh Kim Anh	06/11/2009	Nữ	Khmer	KV1		8,80	7,60	8,40	0,75	25,32	
3	K26D4B077	Trần Hồng Phượng	13/12/2011	Nữ	Kinh	KV1		6,90	6,90	6,70	0,75	21,25	
4	K26D4B075	Lâm Dương Kiều	04/01/2011	Nữ	Khmer	KV1		5,10	7,50	6,90	0,75	20,25	
5	K26D4B073	Mai Tiến Hưng	31/07/2011	Nam	Kinh	KV2		6,20	5,80	5,80	0,25	18,05	
6	K26D4B074	Chiêm Quách Khang	15/06/2010	Nam	Khmer	KV1		7,10	5,50	4,50	0,75	17,85	
7	K26D4B072	Lâm Thái Bình	11/06/2011	Nam	Kinh	KV1		5,20	5,30	5,00	0,75	16,25	
8	K26D4B004	Nguyễn Phạm Thế Hiển	01/06/2010	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THCS					

Tổng: 08 thí sinh

TRƯỞNG BAN THU KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đo Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH THÚ Y - MÃ NGÀNH: 6640101
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B035	Hoàng Đại Phát	13/09/2008	Nam	Kinh	KV3		6,20	7,90	7,20	0,00	21,30	
2	K26D4B032	Đào Hoàng Thái	07/07/2007	Nam	Kinh	KV2NT		6,10	6,90	5,80	0,50	19,30	
3	K26D4B014	Danh Hoài Phong	07/03/2007	Nam	Khmer	KV1		6,00	7,00	5,30	0,75	19,05	
4	K26D4B034	Hồ Ngọc Võ	14/05/1990	Nam	Kinh	KV2		4,30	4,90	4,50	0,25	13,95	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ

Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KẾ TOÁN - MÃ NGÀNH: 6340301
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B037	Dương Chí Bảo	28/05/2000	Nam	Hoa	KV3		8,60	7,00	7,40	0,00	23,00	
2	K26D4B016	Lâm Thị Hằng	17/11/2007	Nữ	Khmer	KV2		7,00	6,40	6,00	0,25	19,65	
3	K26D4B002	La Thanh Hòa	20/03/2004	Nam	Kinh	KV2NT		Tốt nghiệp THPT					
4	K26D4B133	Lộ Yên Vy	05/03/2008	Nữ	Kinh	KV2NT		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THU KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN - MÃ NGÀNH: 6620303
(Cập nhật 17h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

ST T	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	T.A (môn thay thế)			
1	K26D4B140	Đào Nhật Huy	26/12/2003	Nam	Kinh	KV2NT		8,00	7,80	6,50	0,50	22,80	
2	K26D4B134	Vũ Thị Hồng Nhung	10/01/1988	Nữ	Kinh	KV3		5,00	5,10	4,60	0,00	14,70	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viên Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH VẬN HÀNH, SỬA CHỮA THIẾT BỊ LẠNH - MÃ NGÀNH: 5520255
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B130	Lý Thanh Phong	21/10/2007	Nam	Hoa	KV1	Không	5,50	4,90	6,50	0,75	17,65	
2	K26D4B135	Võ Văn Nghĩa	25/06/2010	Nam	Kinh	KV1	Không	5,20	6,10	5,30	0,75	17,35	
3	K26D4B136	Đặng Ngọc Thuần	04/08/2010	Nam	Kinh	KV1	Không	5,80	6,40	6,00	0,75	18,95	
4	K26D4B137	Lư Văn Tình	14/12/2009	Nam	Kinh	KV1	Không	4,10	4,30	5,00	0,75	14,15	

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỞNG BAN THƯ KÝ
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
Đỗ Thị Viên Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 5520227
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B138	Lê Tuấn Khanh	28/02/2003	Nam	Kinh	KV1		5,50	6,00	5,10	0,75	17,35	

Tổng: 1 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRUNG CẤP ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CHẾ TẠO THIẾT BỊ CƠ KHÍ - MÃ NGÀNH: 5520104
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B131	Lương Hoàng Phát	12/12/2008	Nam	Kinh	KV2		7,00	5,60	5,80	0,25	18,65	
2	K26D4B047	Dương Văn Thêm	23/03/05	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THCS					

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
Đỗ Thị Viễn Hương



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ - MÃ NGÀNH: 6510216
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B122	Nguyễn Võ Hải Đăng	11/09/2003	Nam	Kinh	KV1		6,00	6,80	5,20	0,75	18,75	
2	K26D4B144	Lê Minh Sử	21/10/2005	Nam	Kinh	KV1		5,20	7,20	4,50	0,75	17,65	

Tổng: 02 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH ĐIỆN CÔNG NGHIỆP - MÃ NGÀNH: 6520227
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B142	Trần Gia Nguyễn	12/01/2008	Nam	Kinh	KV2		5,90	8,10	6,00	0,25	20,25	
2	K26D4B033	Trần Quốc Vinh	10/08/2008	Nam	Kinh	KV2NT		6,60	7,50	6,00	0,50	20,60	
3	K26D4B005	Võ Bình Quý	16/01/06	Nam	Kinh	KV1		5,20	6,60	5,50	0,75	18,05	
4	K26D4B019	Ngô Tâm Linh	30/12/08	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

 

Đỗ Thị Viễn Hương

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÀ MAU
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN CAO ĐẲNG ĐỢT 4 - KHU VỰC BẠC LIÊU (CŨ)
NGÀNH KỸ THUẬT MÁY LẠNH VÀ ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ - MÃ NGÀNH: 6520205
(Cập nhật 16h00 ngày 17 tháng 9 năm 2026)

STT	Số hồ sơ	Họ và Tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	KV UT	ĐT UT	Kết quả học tập Lớp 9 hoặc 12			Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển	Ghi chú
								Toán	Ngữ văn	Tiếng Anh			
1	K26D4B139	Phan Nguyễn Hạo	26/02/2007	Nam	Kinh	KV1		5,60	6,40	4,90	0,75	17,65	
2	K26D4B141	Trần Trân	20/04/2007	Nam	Khmer	KV1		5,50	8,00	6,40	0,75	20,65	
3	K26D4B143	Sơn Đình Trí	02/12/2005	Nam	Khmer	KV1		6,20	7,20	6,10	0,75	20,25	
4	K26D4B132	Đỗ Thanh Triều	16/01/08	Nam	Kinh	KV1		Tốt nghiệp THPT					

Tổng: 04 thí sinh

TRƯỞNG BAN THƯ KÝ



Dương Thùy Dương

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thị Viễn Hương